

ÁP LỰC BÁN TĂNG LÊN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

| | |
|------------|--|
| MUA | Tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân thêm đối với những nhóm ngành đang trong nhịp phục hồi như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, bán lẻ. |
| BÁN | Đối với các hoạt động bán trading hoặc cơ cấu danh mục, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp tăng mạnh của thị trường để thực hiện. Vùng kháng cự 1.285-1.300 điểm rất dễ xảy ra rung lắc mạnh. |

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

| | |
|------------|-------------------|
| VCI | NĂM GIỮ |
| | ↑ 8,25% |
| | VND 52.500 |

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai (26/8) trong trạng thái không đồng nhất của các chỉ số.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường sau thời gian tăng mạnh đã cho thấy áp lực chốt và duy trì xu hướng giằng co, tích lũy ngắn hạn. Đây cũng là lý do có thể khiến dòng tiền thận trọng trong bối cảnh này. Nhìn một cách tổng thể, thị trường vẫn trong thế giằng co tích lũy và đây là phiên thứ 3 duy trì diễn biến này. Trong ngắn hạn, thị trường vẫn đang trong xu hướng tích lũy ở vùng 1.280 – 1.285 điểm và diễn biến này vẫn chưa có tín hiệu kết thúc. Thị trường vẫn còn cơ hội đi lên vùng sát ngưỡng 1.290 – 1.300 điểm, nhưng cũng không loại trừ khả năng sẽ lùi kiểm định vùng 1.250-1.260 điểm để thu hút thêm dòng tiền.

Thị trường thế giới

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | YTD |
|--------------------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 41.240,52 | 0,16 | 9,42 |
| S&P 500 | 5.616,84 | -0,32 | 17,76 |
| Nasdaq | 17.725,77 | -0,85 | 18,08 |
| VIX | 16,15 | 1,83 | 29,72 |
| DAX | 18.617,02 | -0,09 | 11,14 |
| FTSE 100 | 8.327,78 | 0,48 | 7,69 |
| CAC40 | 7.590,37 | 0,18 | 0,63 |
| Hang Seng | 17.663,80 | -0,76 | 3,62 |

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|--------------------------|------------|------------|------------|
| Xu hướng VN-Index | BUY | BUY | BUY |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|---------------------|-----------------|------------|
| RSI (14) | 60,93 | BUY |
| MACD (12,26) | 7,97 | BUY |
| ADX (14) | 24,89 | BUY |
| SMA5 | 1.280,94 | BUY |
| SMA20 | 1.241,98 | BUY |
| SMA50 | 1.256,94 | BUY |
| SMA100 | 1.255,53 | BUY |
| SMA200 | 1.214,89 | BUY |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Giá dầu thô tăng hơn 2 USD/thùng sau khi có tin về sự gián đoạn nguồn cung dầu từ Libya.
- Theo Ngân hàng Thế giới (WB), nhờ sự phục hồi xuất khẩu các mặt hàng chế tạo chế biến, du lịch, tiêu dùng và đầu tư, dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,1% trong năm 2024 và 6,5% trong năm 2025 và 2026, cao hơn so với mức 5% năm 2023.
- Luỹ kế 6 tháng đầu năm nay, doanh thu EVN đạt 282.908 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ. Lỗ sau thuế 8.098 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 29.107 tỷ đồng. Nửa đầu năm nay, Tập đoàn lỗ ròng từ chênh lệch tỷ giá khoảng 2.807 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/6, EVN lỗ luỹ kế gần 52.016 tỷ đồng.
- **MWG:** Theo báo cáo kinh doanh 7 tháng đầu năm, công ty cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ghi nhận tổng doanh thu đạt 76.541 tỷ đồng (hơn 3 tỷ USD), cao hơn 15% so với cùng kỳ và thực hiện 61% kế hoạch năm. Doanh thu riêng tháng 7 tăng trưởng 10% đạt 10.920 tỷ đồng.
- **DBC:** Kết thúc đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu ngày 15/8, Dabaco Việt Nam đã chào bán được 77,88 triệu cổ phiếu trong tổng đăng ký chào bán 80,67 triệu cổ phiếu, tương ứng chiếm 96,5% tổng khối lượng đăng ký chào bán và còn lại 2.792.078 cổ phiếu không chào bán hết. Dabaco Việt Nam cho biết, sẽ tiếp tục chào bán 2.792.078 cổ phiếu với giá 15.000 đồng/cổ phiếu cho 15 nhà đầu tư cá nhân, thời gian đăng ký và nộp tiền từ 26/8 đến 11h ngày 29/8.
- **PNJ:** Theo báo cáo vừa công bố, kết quả kinh doanh 7 tháng đầu năm 2024 của Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận khả quan với doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng. Cụ thể, sau 7 tháng, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 24.621 tỷ đồng (tăng 30,8% so với cùng kỳ) và 1.218 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ). Đồng nghĩa, PNJ đã hoàn thành 66,3% kế hoạch doanh thu thuần cả năm 2024.
- **KBC:** Kinh Bắc vừa thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu mã KBCH2426001; mệnh giá 1.000 tỷ đồng; đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không phải là nợ thứ cấp. Trong đó, trái phiếu dự kiến phát hành kỳ hạn 2 năm, triển khai trong quý III/2024 và lãi suất cố định 10,5%/năm, trả lãi 6 tháng một lần.
- **OIL:** Tổng công ty Dầu Việt Nam thông báo ngày 6/9 là ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 2%. Tương ứng ngày giao dịch không hưởng quyền là 5/9. Với hơn 1,03 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, công ty cần chi hơn 206 tỷ đồng trả cổ tức. Ngày thanh toán dự kiến là 3/10.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Chg | YTD |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng | 2.511,83 | -0,25 | 21,76 |
| Dầu WTI | 77,02 | -0,52 | 7,49 |
| Dầu Brent | 81,07 | -0,44 | 5,23 |
| Than | 145,70 | 0,34 | -0,48 |
| Đồng | 9.288,50 | 1,73 | 8,52 |
| Quặng sắt | 100,54 | 3,11 | -27,10 |
| Thép | 466,00 | -0,21 | -17,47 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá | %Chg | YTD |
|---------|---------|-------|-------|
| DXY | 100,862 | 0,01 | -0,46 |
| USD/JPY | 144,66 | -0,09 | -2,50 |
| USD/CNY | 7,1271 | -0,07 | -0,38 |
| EUR/USD | 1,1169 | 0,07 | 1,18 |
| GBP/USD | 1,3193 | 0,04 | 3,63 |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED | 5,50% | 18/09/2024 | 0 |
| ECB | 4,25% | 12/09/2024 | -0,25 |
| BOE | 5,00% | 19/09/2024 | -0,25 |
| BOJ | 0,25% | 20/09/2024 | 0,15 |
| SBV | 6,50% | - | -50bp |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD | Giá | %Chg |
|-------|--------|---------|-------|
| HPG | 565,34 | 26.000 | -0,19 |
| MWG | 417,86 | 69.800 | -0,29 |
| FPT | 342,21 | 131.500 | -1,20 |
| VHM | 630,64 | 40.500 | 1,89 |
| MSN | 615,30 | 76.200 | -2,18 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa | Giá | %Chg |
|-------|------------|---------|-------|
| VCB | 514.196,40 | 92.000 | -0,43 |
| BID | 286.161,88 | 50.200 | -0,59 |
| GAS | 193.385,50 | 84.200 | -0,59 |
| FPT | 192.048,92 | 131.500 | -1,20 |
| CTG | 185.801,71 | 34.600 | -1,00 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

VCI

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

NĂM GIỮ

48.500

52.500

8,25%

47.200-47.600

<44.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Trong 6 tháng, lợi nhuận trước thuế đạt 571 tỷ đồng, tăng 170% so với cùng kỳ 2023 và hoàn thành 82% kế hoạch năm 2024 của Vietcap là 700 tỷ đồng.
- Tại thời điểm cuối tháng 6/2024, tổng tài sản của VCI tăng mạnh hơn 5.850 tỷ lên 23.105 tỷ đồng. Trong đó, lượng tiền mặt gấp gần 5 lần khi chiếm 3.903 tỷ đồng; Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ cũng gấp 8 lần với 1.007 tỷ đồng; Các khoản cho vay xấp xỉ đầu kỳ với 7.946 tỷ đồng; Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) tăng 29% lên mức 8.513 tỷ đồng

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Với sự hồi phục tốt cùng với xu hướng của thị trường, VCI đang lấy lại được các đường trung bình động ngắn và trung hạn. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho tín hiệu tích cực. Do đó, nhà đầu tư có thể xem xét tăng tỷ trọng đối với cổ phiếu VCI trong các nhịp rung lắc với vùng mua dự kiến 47.100-47.600 đồng, tăng tỷ trọng nếu vượt lên trên vùng 48.800 đồng.

Thông tin tài chính

| | FY2022 | FY2023 | Q2 2024 |
|-------------|----------|----------|---------|
| DTT (tỷ đ) | 3.156 | 2.472 | 916 |
| LNTT (tỷ đ) | 1.060 | 570 | 344 |
| LNST (tỷ đ) | 869 | 492 | 279 |
| Nợ/VCSH (%) | 106 | 123 | 141 |
| ROE (%) | 13,33 | 7,09 | 9,60 |
| ROA (%) | 5,63 | 3,12 | 4,14 |
| EPS (VNĐ) | 1.999,00 | 1.127,00 | 1779,75 |
| P/E (lần) | 11,63 | 37,93 | 27,25 |
| P/B (lần) | 1,56 | 2,54 | 2,42 |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

| | Ngày | Tuần | Tháng |
|------------------|---------|-----------|-------|
| Xu hướng | BUY | BUY | BUY |
| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động | |
| RSI (14) | 63,68 | BUY | |
| MACD (12,26) | 0,59 | BUY | |
| ADX (14) | 19,16 | BUY | |
| SMA5 | 47.390 | BUY | |
| SMA20 | 44.860 | BUY | |
| SMA50 | 45.900 | BUY | |
| SMA100 | 47.100 | BUY | |
| SMA200 | 45.550 | BUY | |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|--|-------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi | | | | | | | | | | |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua | | | | | | | | | | |
| 1 | MBB | Nắm giữ | 22,8-23,3 | 2/8/2024 | 23,3 | 26,1 | 21,8 | | | 4,94% |
| 2 | HCM | Chốt lời | 24,5-25,5 | 15/8/2024 | 25,5 | 30,5 | 23,8 | 27/8/2024 | ATO | 16,47% |
| 3 | GVR | Nắm giữ | 33,3-34,5 | 20/8/2024 | 34,5 | 38,3 | 32,5 | | | 1,59% |
| 4 | DBC | Mua | 27,4-28,5 | 21/8/2024 | 28,3 | 32,3 | 27 | | | -2,65% |
| 5 | VCI | Mua | 46-47,1 | 22/8/2024 | 46,9 | 52,5 | 44,7 | | | 3,41% |

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1 | MWG | Chốt lời | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 54,8 | 37,8 | 31/7/2023 | 54 | 32,35% |
| 2 | NLG | Chốt lời | 31,3-32,45 | 9/6/2023 | 32 | 38,3 | 30,2 | 18/7/2023 | 38,3 | 19,69% |
| 3 | MWG | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8 | 5/6/2023 | 40,8 | 47,8 | 37,8 | 11/7/2023 | 48,8 | 19,61% |
| 4 | DGW | Chốt lời | 54,5-56 | 16/2/2024 | 56 | 63,2 | 53,9 | 13/3/2024 | 64,3 | 16,07% |
| 5 | HCM | Chốt lời | 21,1-22 | 20/12/2023 | 21,9 | 24,3 | 20,4 | 2/1/2024 | 25,4 | 15,98% |
| 6 | SSI | Chốt lời | 27,8-28,8 | 26/10/2023 | 27,2 | 32,8 | 26,9 | 10/11/2023 | 31,5 | 15,81% |
| 7 | DBC | Chốt lời | 20,3-20,6 | 20/6/2023 | 20,6 | 23,6 | 19,2 | 6/7/2023 | 23,85 | 15,78% |
| 8 | DGW | Chốt lời | 32,4-33 | 16/5/2023 | 33 | 37,2 | 30,7 | 6/6/2023 | 37,8 | 14,55% |
| 9 | VPB | Chốt lời | 18,6-19,2 | 26/4/2023 | 19,2 | 22,6 | 17,9 | 1/8/2023 | 21,95 | 14,32% |
| 10 | ANV | Chốt lời | 34,8-36,3 | 11/9/2023 | 36,3 | 41,2 | 33,8 | 22/9/2023 | 41,2 | 13,50% |
| 11 | DGW | Chốt lời | 49-51,5 | 21/11/2023 | 50 | 57,8 | 48 | 8/1/2023 | 56,7 | 13,40% |
| 12 | HCM | Chốt lời | 25,9-26,3 | 12/6/2023 | 26,3 | 29,5 | 24,5 | 5/7/2023 | 29,8 | 13,31% |
| 13 | SSI | Chốt lời | 28,0-28,6 | 1/8/2023 | 28,6 | 33,5 | 27,4 | 25/8/2023 | 32,3 | 12,94% |
| 14 | PVS | Chốt lời | 30,4-31,2 | 22/8/2023 | 31,2 | 35,2 | 29,3 | 30/8/2023 | 35,2 | 12,82% |
| 15 | HPG | Chốt lời | 24,8-25,8 | 22/8/2023 | 25,8 | 29,1 | 24 | 7/9/2023 | 29,1 | 12,79% |
| 16 | NKG | Chốt lời | 17,3-17,7 | 5/7/2023 | 17,5 | 20,4 | 16,3 | 21/7/2023 | 19,7 | 12,57% |
| 17 | KSB | Chốt lời | 26,6-27,1 | 8/6/2023 | 27,1 | 30,5 | 25,2 | 27/6/2023 | 30,5 | 12,55% |
| 18 | NKG | Chốt lời | 20,3-20,8 | 24/11/2023 | 20,8 | 23,9 | 19,6 | 30/11/2023 | 23,35 | 12,26% |
| 19 | HAH | Chốt lời | 34-35,5 | 23/11/2023 | 35 | 40,7 | 32,9 | 26/12/2023 | 39,2 | 12,00% |
| 20 | GVR | Chốt lời | 18,9-19,3 | 28/6/2023 | 19,3 | 22,3 | 18 | 11/7/2023 | 21,6 | 11,92% |
| 21 | VCG | Chốt lời | 25,5-26,2 | 18/8/2023 | 26,2 | 29,3 | 24,5 | 5/9/2023 | 29,3 | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/- |
|-----|-------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1 | NKG | Chốt lời | 23-23,8 | 15/3/2024 | 23,75 | 27,6 | 22,4 | 28/3/2024 | 26,1 | 9,89% |
| 2 | VGC | Chốt lời | 54-55,5 | 13/3/2024 | 55,5 | 61,8 | 51,8 | 2/4/2024 | 58,7 | 6,31% |
| 3 | KSB | Cơ cấu | 25,5-26,5 | 15/3/2024 | 26,2 | 29,5 | 24,6 | 2/4/2024 | 26,2 | 0,00% |
| 4 | MWG | Chốt lời | 45-47,5 | 5/3/2024 | 47,5 | 54,3 | 44,2 | 3/5/2024 | 55,7 | 17,26% |
| 5 | PVD | Chốt lời | 29-30 | 23/4/2024 | 30 | 33,8 | 28,8 | 22/5/2024 | 33,2 | 10,67% |
| 6 | VHC | Cơ cấu | 73-74,5 | 3/5/2024 | 74 | 83,2 | 71 | 27/5/2024 | 73 | -1,35% |
| 7 | CTD | Chốt lời | 69,5-71,6 | 22/5/2024 | 71,6 | 79,6 | 68 | 28/5/2024 | 75,2 | 5,85% |
| 8 | NKG | Cơ cấu | 23,9-24,3 | 24/5/2024 | 24,3 | 27,3 | 23,6 | 30/5/2024 | 24,75 | 1,85% |
| 9 | PC1 | Chốt lời | 28,2-29 | 1/7/2024 | 28,7 | 32,6 | 27,6 | 45633 | 31,6 | 10,10% |
| 10 | VSC | Cắt lỗ | 21-21,7 | 6/6/2024 | 21,7 | 24,3 | 20,7 | 17/7/2024 | 20,7 | -4,61% |
| 11 | PHR | Cắt lỗ | 60-61,5 | 6/6/2024 | 61 | 68,1 | 58 | 17/7/2024 | 58 | -4,92% |
| 12 | MSN | Cắt lỗ | 74,2-76,2 | 17/6/2024 | 76,2 | 86,3 | 72,5 | 17/7/2024 | 72,5 | -4,86% |
| 13 | BSR | Chốt lời | 21,5-22 | 5/8/2024 | 21,5 | 25,1 | 20,9 | 15/8/2024 | 23,2 | 7,91% |
| 14 | PNJ | Chốt lời | 95-96,5 | 2/8/2024 | 96 | 108 | 91,6 | 20/8/2024 | 108 | 12,50% |
| 15 | MWG | Chốt lời | 59,5-62 | 20/6/2024 | 62 | 69,8 | 57,5 | 21/8/2024 | 69,8 | 12,58% |

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI: 1150-1165.

Khuyến nghị 30/10/2024

| Mã CP | NVL | Tỷ lệ |
|------------------|----------------------|-------------|
| Mua | 16-16.5 | |
| Cắt lỗ | Dưới 14 | -(-12%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 18-19 | -(-12%-18%) |
| Chốt lời 2:(50%) | 21-22 | -(-18%-37%) |
| Mã CP | MSSN | Tỷ lệ |
| Mua | 65-66 | |
| | (Cả về DCA về 61-62) | |
| Cắt lỗ | Dưới 59 | -(-5%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 72-75 | -(-12%-14%) |
| Chốt lời 2:(50%) | Nằm giữ | |
| Mã CP | GEX | Tỷ lệ |
| Mua | 21-21.5 | |
| Cắt lỗ | 19.8 | -(-4%) |
| Chốt lời 1:(50%) | 23-24 | -(-7%-12%) |
| Chốt lời 2:(50%) | 25.5-26 | -(-13%-14%) |

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

| | |
|--------------------|------------------------|
| Mã chứng khoán | MWG |
| Tổng khối lượng CK | 180,000 |
| Giá vốn trung bình | 43.34 |
| Gốc đầu tư | 99800 đ |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ |
| Lãi/lỗ (tỷ kiến) | +679,500,200 đ (6.15%) |

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room